

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 8 năm 2024
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Minh Quân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đ Việt và ông Hà Văn Sơ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tòng Thị P, sinh năm 1991. Địa chỉ: Bản N, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Hà Văn Đ, sinh năm 1986. Địa chỉ: Bản N, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tòng Thị P trình bày như sau:

Chị và anh Hà Văn Đ kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc theo quy định của pháp luật. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Mai Sơn vào ngày 14/9/2009 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo P tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ thường xuyên uống rượu, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh Đ không chịu khó làm ăn, bỏ mặc vợ con, không quan tâm đến gia đình dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Cuối năm 2021, chị không thể chịu đựng thêm nên đã đưa các con về nhà mẹ đẻ sinh sống. Khi anh Đ lên đón, hứa hẹn sẽ thay đổi, chị đã 02 lần quay lại nhưng anh Đ

không thay đổi. Vì vậy, anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Hà Khánh L, sinh ngày 11/12/2010 và cháu Hà Bảo H, sinh ngày 28/7/2015. Hiện tại, chị đang nuôi dưỡng 02 con từ khi ly thân đến nay. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung và không đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện tại, thu nhập của chị từ nông nghiệp và chị đi làm thêm nên cam đoan đủ khả năng nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

Về nợ chung vợ chồng: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Hà Văn Đ trình bày:

Về quá trình kết hôn đúng như chị P trình bày, anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn theo quy định.

Theo anh, vợ chồng không có gì mâu thuẫn lớn, anh thỉnh thoảng có uống rượu, vợ chồng có lúc tranh cãi nhưng không mâu thuẫn đến mức phải ly hôn nên anh không nhất trí ly hôn. Vợ chồng anh chị cùng vào làm ở công ty hoa quả, chị P có những biểu hiện có tình cảm với người khác nên anh nên ghen tuông, từ đó vợ chồng phát sinh cãi vã. Sau đó, cách đây 02 năm, chị P tự ý bỏ đi làm xa, không bàn bạc, chặn mọi hình thức liên lạc. Sau khi đi làm về, chị P không về nhà chồng mà đến nhà ngoại sinh sống. Vì vậy, tư tưởng của anh bị ảnh hưởng nên mới uống rượu và bỏ bê cuộc sống. Bản thân anh luôn mong muốn vợ suy nghĩ lại để vợ chồng hàn gắn tình cảm, cùng nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Hà Khánh L, sinh ngày 11/12/2010 và cháu Hà Bảo H, sinh ngày 28/7/2015. Từ năm 2022, chị P tự ý đưa 02 con về nhà bà ngoại ở bản Củ Nghè sinh sống. Anh không muốn ly hôn, muốn cả hai vợ chồng cùng nuôi dưỡng con. Nếu chị P cương quyết ly hôn, đề nghị Tòa án đi xác minh điều dưỡng nuôi dưỡng con của chị P. Vì vậy, anh chưa có ý kiến về con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

Về nợ chung vợ chồng: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của anh Đ và chị P tại Ban quản lý bản N và đại diện gia đình chị P tại bản Củ Nghè, xã H.

Do các đương sự chưa thống nhất được toàn bộ việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng: Cho ly hôn giữa chị Tòng Thị P và anh Hà Văn Đ. Về con chung: Giao cháu Hà Khánh L, sinh ngày 11/12/2010 và cháu Hà Bảo H, sinh ngày 28/7/2015 cho chị Tòng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Ghi nhận chị P không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung vợ chồng: Các đương sự không đề nghị Tòa án không giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác. Về nợ chung: không có.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn về việc xin ly hôn với anh Hà Văn Đ. Anh Đ có nơi cư trú tại Bản N, xã H, huyện Mai Sơn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ pháp luật là xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, phân chia tài sản chung và nợ chung là đúng quy định của pháp luật.

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự, tuy nhiên bị đơn anh Hà Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có đơn đề nghị hoãn phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ **Điều 227, 238** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Tòng Thị P và anh Hà Văn Đ kết hôn với nhau từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và không bị ai ép buộc. Anh chị đã được **UBND xã H, huyện Mai Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/9/2009, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp**. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm

2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị P cho rằng nguyên nhân là do anh Đ thường xuyên uống rượu, không chịu khó làm ăn, bỏ mặc vợ con, không quan tâm đến gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị đã về nhà ngoại sinh sống từ cuối năm 2021 và sống ly thân từ đó đến nay. Anh Đ cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, thỉnh thoảng có sử dụng rượu nhưng mâu thuẫn chưa trầm trọng không đến mức ly hôn. Ngoài ra, anh Đ nghi ngờ chị P có tình cảm với người khác dẫn đến ghen tuông và cãi vã. Cách đây 02 năm chị P đã bỏ đi làm xa và về bên ngoại sinh sống. Bản thân anh mong muốn vợ suy nghĩ lại để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, anh không nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị P. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương cũng thể hiện rõ, vợ chồng chị P và anh Đ có mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng ghen tuông, anh Đ thỉnh thoảng có sử dụng rượu, vợ chồng xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không thành nên chị P đã đưa con về nhà ngoại sống khoảng 02 năm nay. Mặc dù anh Đ không muốn ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm, chị P cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh Đ đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Tòng Thị P và anh Hà Văn Đ.

[2.2] *Về con chung*: Chị P và anh Đ xác nhận có 02 con chung là cháu Hà Khánh L, sinh ngày 11/12/2010 và cháu Hà Bảo H, sinh ngày 28/7/2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung, cam đoan đủ điều kiện nuôi dưỡng cả hai con chung và không đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ không thể hiện nguyện vọng về nuôi con sau khi ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian ly thân, hai con chung ở với chị Tòng Thị P tại nhà của bà ngoại ở bản Củ Nghè, xã H. Chị P cam kết đủ khả năng nuôi dưỡng cả hai con chung. Tại biên bản ghi ý kiến của con chung, cả hai cháu đều có nguyện vọng tiếp tục ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu, cần chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cháu Hà Khánh L và cháu Hà Bảo H cho chị Tòng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Ghi nhận chị P không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P và anh Đ đều thống nhất xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án xin ly hôn. Qua xác minh xác định chị P và anh Đ trong thời kỳ hôn nhân ở chung với nhà chồng, không tạo dựng được tài sản có giá trị. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.4] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về việc xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238, các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm

2015; Các Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tòng Thị P và anh Hà Văn Đ.
2. Về con chung: Giao cháu Hà Khánh L, sinh ngày 11/12/2010 và cháu Hà Bảo H, sinh ngày 28/7/2015 cho chị Tòng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Ghi nhận chị P không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Sau khi ly hôn, anh Đ được quyền thăm nom con theo quy định, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Tòng Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002005 ngày 14 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Ủy ban nhân dân xã H;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Minh Quân

